

KẾ HOẠCH

**Cải thiện và nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)
tỉnh Cà Mau năm 2018**

**I. THỰC TRẠNG KẾT QUẢ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP TỈNH (PCI) TỈNH CÀ MAU NĂM 2017**

Bảng 1: Kết quả xếp hạng PCI tỉnh Cà Mau giai đoạn 2006 - 2017

Năm	Điểm số	Kết quả xếp hạng so với cả nước	Nhóm điều hành
2006	43,99	57	Tương đối thấp
2007	56,19	56	Khá
2008	58,64	18	Khá
2009	61,96	22	Tốt
2010	53,57	51	Khá
2011	59,43	32	Khá
2012	53,76	49	Khá
2013	53,8	56	Tương đối thấp
2014	53,22	58	Thấp
2015	54,40	59	Tương đối thấp
2016	56,36	54	Trung bình
2017	59,83	51	Trung bình

(Nguồn: Trích báo cáo PCI giai đoạn 2006 - 2017 của VCCI)

Theo kết quả công bố của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Cà Mau năm 2017 đạt 59,83 điểm (tăng 3,47 điểm so với năm 2016), xếp thứ 51/63 tỉnh, thành trong cả nước (tăng 3 hạng so với năm 2016), nằm trong các tỉnh, thành phố thuộc nhóm trung bình, xếp thứ 13/13 tỉnh, thành trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Bảng 2: So sánh xếp hạng, điểm số các chỉ số thành phần của tỉnh Cà Mau và điểm trung vị cả nước qua 2 năm 2016 - 2017

TT	Chỉ số thành phần	Điểm số		Điểm trung vị năm 2017	Phân nhóm chỉ số thành phần của PCI	Xếp hạng		So sánh hạng năm 2017 so với năm 2016
		2016	2017			2016	2017	
1	Tính minh bạch	5,86	5,81	6,34	Nhóm Chỉ số thấp hơn điểm trung vị cả nước và giảm điểm so với năm 2016	53/63	56/63	- 3
2	Thiết chế pháp lý	5,75	5,45	5,94		21/63	49/63	- 28
3	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	5,35	6,3	6,61		39/63	43/63	- 4
4	Đào tạo lao động	4,46	5,09	6,45		63/63	63/63	Tiếp tục ở cuối bảng xếp hạng
5	Tính năng động	4,8	5,21	5,44	Nhóm Chỉ số thấp hơn điểm trung vị cả nước	34/63	43/63	- 9
6	Tiếp cận đất đai	6,14	6,19	6,33		17/63	39/63	- 22
7	Chi phí gia nhập thị trường	8,46	7,97	7,84	Nhóm Chỉ số giảm điểm so với năm 2016	38/63	23/63	+15
8	Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước	7,03	7,01	6,48		14/63	21/63	- 7
9	Chi phí không chính thức	5,88	6,42	5,31	Nhóm Chỉ số tăng điểm so với năm 2016 và cao hơn điểm trung vị cả nước	14/63	8/63	+ 6
10	Cạnh tranh bình đẳng	6,06	6,17	5,14		6/63	8/63	- 2

(Nguồn: Báo cáo PCI 2016 - 2017 của VCCI)

Kết quả PCI tỉnh Cà Mau năm 2017, có 06/10 chỉ số thành phần tăng điểm so với năm 2016 (thứ tự từ 3, 4, 5, 6, 9, 10 tại Bảng 2), có 2/10 chỉ số vừa tăng điểm và vừa cao hơn điểm trung vị so với cả nước năm 2017 (thứ tự 9, 10 tại Bảng 2). Kết quả này đã ghi nhận những nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành của tỉnh trong công tác cải thiện và nâng cao PCI của tỉnh Cà Mau trong thời gian qua.

Tuy nhiên, phân tích tại Bảng 2, cho thấy kết quả PCI của tỉnh Cà Mau năm 2017 có 8/10 chỉ số thành phần giảm điểm so với năm 2016 và thấp hơn điểm trung vị cả nước, được xếp theo 3 nhóm đầu tại Bảng 2 gồm: nhóm Chỉ số thấp hơn điểm trung vị cả nước và giảm điểm so với năm 2016; nhóm Chỉ số thấp hơn điểm trung vị cả nước; nhóm Chỉ số giảm điểm so với năm 2016. Đây là các nhóm chỉ số thành phần tỉnh cần tích cực quan tâm, ưu tiên cải thiện trong năm 2018.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) TỈNH CÀ MAU NĂM 2017

1. Kết quả đạt được

Nhóm chỉ số thành phần năm 2017 có điểm số tăng so với năm 2016 và cao hơn điểm trung vị so với cả nước gồm 2 chỉ số

a) Chi phí không chính thức, gồm 9 chỉ tiêu (có 4 chỉ tiêu mới), trong đó có 1/9 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 8/9 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước

b) Cạnh tranh bình đẳng, gồm 14 chỉ tiêu, trong đó có 1/14 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 13/14 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

2. Những hạn chế

Bên cạnh 2/10 chỉ số tăng điểm so với năm 2016 và cao hơn điểm trung vị so với cả nước, còn lại 8/10 chỉ số thành phần PCI năm 2017 bị giảm điểm so với năm 2016 và thấp hơn so với điểm trung vị cả nước. Cụ thể chia theo 3 nhóm:

a) Nhóm Chỉ số thành phần năm 2017 thấp hơn điểm trung vị cả nước và giảm điểm so với năm 2016, gồm 2 chỉ số:

- Tính minh bạch: Gồm 12 chỉ tiêu (có 3 chỉ tiêu mới), trong đó có 6/10 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 6/10 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Thiết chế pháp lý: Gồm 17 chỉ tiêu đánh giá (có 5 chỉ tiêu mới), trong đó có 9/17 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 8/17 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

b) Nhóm chỉ số thành phần năm 2017 thấp hơn điểm trung vị cả nước, gồm 04 chỉ số:

- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: Gồm 24 chỉ tiêu, trong đó có 14/24 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 10/24 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Đào tạo lao động: Gồm 11 chỉ tiêu, trong đó có 10/11 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 1/11 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Tính năng động: Gồm 9 chỉ tiêu (có 3 chỉ tiêu mới), trong đó có 4/9 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 5/9 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Tiếp cận đất đai: Gồm 11 chỉ tiêu (có 3 chỉ tiêu mới và 01 chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần CPGNTT chuyển qua), trong đó có 6/11 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 5/11 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

c) Nhóm chỉ số thành phần năm 2017 giảm điểm so với năm 2016, gồm 02 chỉ số:

- Chi phí gia nhập thị trường: Gồm 10 chỉ tiêu (có 1 chỉ tiêu mới), trong đó có 3/10 chuyển biến tiêu cực và 7/10 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước: Gồm 11 chỉ tiêu (có 3 chỉ tiêu mới), trong đó có 3/11 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 8/11 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

(Chi tiết đánh giá tại Phụ lục 1)

Nhìn chung, từ kết quả phân tích PCI cho thấy Cà Mau có cải thiện về điểm số và thứ hạng trong năm 2017 là do có 6/10 chỉ số thành phần tăng điểm so với năm 2016, có 4/10 chỉ số cao hơn điểm trung vị cả nước và có 02 chỉ số thành phần có vị trí xếp hạng cao so với các tỉnh, thành phố cả nước gồm các chỉ số: Chi phí không chính thức (8/63) và cạnh tranh bình đẳng (8/63).

Tuy nhiên, kết quả phân tích PCI của tỉnh Cà Mau năm 2017 vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức, tốc độ cải thiện PCI của tỉnh Cà Mau vẫn còn chậm so với các tỉnh, thành phố cả nước nói chung và so với các tỉnh, thành phố khu vực ĐBSCL nói riêng. Bên cạnh kết quả tăng điểm và hạng không cao là do vẫn còn 6/10 chỉ số thành phần có điểm số thấp hơn điểm trung vị cả nước, gồm các Chỉ số: Đào tạo lao động (63/63), Tính minh bạch (56/63), Thiết chế pháp lý (49/63), Tính năng động (43/63), Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (43/63), Tiếp cận đất đai (39/63).

Do đó, để cải thiện và nâng cao PCI của tỉnh Cà Mau năm 2018, đòi hỏi các cấp, các ngành của tỉnh cần có những quyết tâm, nỗ lực cao với những đề xuất giải pháp, hành động mang tính đột phá và có cơ chế kiểm tra giám sát quá trình thực hiện công tác cải thiện các chỉ tiêu được giao của đơn vị nói riêng và trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh nói chung theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình để tiếp tục tạo nhiều điều kiện tốt hơn nữa cho doanh nghiệp, nhà đầu tư hoạt động sản xuất - kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

III. MỤC TIÊU

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hiệu quả hành động của các cơ quan, đơn vị về thực hiện nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với dịch vụ công của địa phương.

Đối với nhóm 6 chỉ số thành phần đang có điểm số thấp hơn điểm số trung bình cả nước năm 2017, phần đầu năm 2018 cải thiện đạt từ trên 50% các chỉ số thành phần có điểm số cao hơn điểm số trung bình cả nước. Tiếp tục cải thiện và duy trì 04 chỉ số thành phần có điểm số tăng và cao hơn điểm số trung vị cả nước. Phần đầu tăng hạng và đưa PCI của tỉnh Cà Mau được xếp vào nhóm từ trung bình trở lên so với các tỉnh, thành phố của cả nước năm 2018.

IV. GIẢI PHÁP CẢI THIỆN PCI TỈNH CÀ MAU NĂM 2018

1. Nhóm ưu tiên tập trung cải thiện ngay (nhóm chỉ số thành phần năm 2017 giảm điểm so với năm 2016, thấp hơn điểm trung vị cả nước), gồm 06 chỉ số thành phần:

1.1. Tính minh bạch

- Đơn vị đầu mối: Sở Tư pháp

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính về các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh,

Hội Doanh nhân trẻ, Hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản, Cục Thuế tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố:

+ Nâng cao chất lượng độ mở của Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thông qua công tác thường xuyên cập nhật, công khai 100% thủ tục hành chính, phí và lệ phí, các tài liệu quy hoạch, kế hoạch, tài liệu pháp lý, tài liệu ngân sách theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của đơn vị trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử thành phần theo hướng giúp doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ tiếp cận.

+ Tiếp tục đẩy mạnh triển thực hiện có hiệu quả lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau năm 2015 và đến năm 2020 theo Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 09/4/2015 của UBND tỉnh.

+ Tuyên truyền, nâng cao hiệu quả hoạt động thường xuyên chuyên mục trao đổi hỏi đáp đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử thành phần của các cơ quan, đơn vị đảm bảo trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý và phối hợp xử lý kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Sở Tư pháp phối hợp với các đơn vị có liên quan nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về xây dựng, kiểm tra, rà soát, theo dõi công tác thi hành văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện công khai đồng bộ các tài liệu pháp lý có liên quan chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị.

Cục Thuế thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với công chức có quan hệ trực tiếp với người nộp thuế, xử lý nghiêm công chức sai phạm trong thực thi công vụ. Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn, cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin, quy trình, hồ sơ và thủ tục có liên quan đến thuế giúp doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ tiếp cận, nắm bắt kịp thời.

Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản và các hội ngành nghề khác có liên quan tích cực tham gia xây dựng và phản biện các chính sách của tỉnh, nâng cao chất lượng hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các doanh nghiệp; tập hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của đội ngũ doanh nhân đến cơ quan có thẩm quyền để có giải pháp tháo gỡ khó khăn kịp thời.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan nâng cao trách nhiệm trong công tác tiếp nhận và xử lý thông tin, văn bản từ doanh nghiệp, nhà đầu tư, đảm bảo tính kịp thời, hiệu quả; đảm bảo công khai minh bạch, đầy đủ thông tin trong công tác mời thầu.

1.2. Thiết chế pháp lý

- Đơn vị đầu mối: Tòa án nhân dân tỉnh

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính về các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm: Tòa án nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Công an tỉnh.

- Nội dung thực hiện:

Thanh tra tỉnh phối hợp với đơn vị có liên quan tạo cơ chế thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện quyền tố cáo, khiếu nại các hành vi tham nhũng, sách nhiễu, thiếu trách nhiệm của một số bộ phận thuộc cơ quan, đơn vị trong thực thi công vụ đối với doanh nghiệp.

Sở Tư pháp phối hợp với đơn vị có liên quan nâng cao chất lượng tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến công dân, doanh nghiệp.

Tòa án nhân dân tỉnh phối hợp với đơn vị có liên quan rà soát, đẩy nhanh tiến độ giải quyết những vụ án tranh chấp trong kinh doanh thương mại đảm bảo đúng pháp luật, nhanh chóng, công bằng, tạo niềm tin cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong lựa chọn tòa án và trọng tài để giải quyết các tranh chấp về kinh tế. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm công chức gây nhũng nhiễu, gây phát sinh các chi phí không chính thức trong thực thi công vụ.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh phối hợp các đơn vị có liên quan rà soát, đẩy nhanh công tác giải quyết hồ sơ thi hành án có đủ điều kiện thi hành và tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại tố cáo, phức tạp, kéo dài.

Công an tỉnh tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về công tác bảo vệ an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường an toàn, lành mạnh, phục vụ hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế, đảm bảo trật tự công cộng, giữ gìn trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh; triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ để trấn áp các loại tội phạm như: Trộm cắp, cướp giật, băng nhóm hoạt động theo kiểu xã hội đen, tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội,...

1.3. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

- Đơn vị đầu mối: Sở Công Thương

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm: Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

Sở Công Thương phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức các lớp tuyên truyền, tập huấn phổ biến kiến thức, chính sách liên quan về hội nhập và cam kết hội nhập quốc tế cho các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp

tiếp cận khách hàng, mở rộng thị trường và quảng bá sản phẩm, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thông tin thị trường.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện mở các khóa đào tạo Quản trị doanh nghiệp cho DNNVV và hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi thành lập các tổ chức kinh tế cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Trợ giúp phát triển doanh nghiệp.

Sở Tư pháp phối hợp các đơn vị có liên quan đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tổ chức, khảo sát đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp để tham mưu, đề xuất các giải pháp nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ sản xuất, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, kết nối cung cầu công nghệ; tạo điều kiện, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ có liên quan đến công nghệ; hỗ trợ thông tin về rào cản kỹ thuật và quảng bá thương hiệu; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp (đặc biệt về kế toán và tài chính), thị trường lao động, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức kinh doanh lĩnh vực cung ứng nhân sự đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp trong tuyển dụng lao động và khuyến khích doanh nghiệp sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố:

+ Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình hành động số 06/CTr-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 13/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

+ Triển khai có hiệu quả đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư tại đơn vị và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị để tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

+ Đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với các thông tin về cơ chế, chính sách của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

1.4. Đào tạo lao động

- Đơn vị đầu mối: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nội dung thực hiện:

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các đơn vị có liên quan nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Đơn giản TTHC ở cả 3 cấp có liên quan đến quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục, rút ngắn thời gian thực hiện TTHC so với quy định.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu tổ chức, điều tra, đánh giá tình hình thực tế cung cầu lao động của tỉnh, rà soát đánh giá các trường, cơ sở dạy nghề, đề xuất giải pháp phù hợp với nhu cầu thực tế lao động của tỉnh. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đầu tư nguồn lực và các cơ sở đào tạo nghề trọng điểm, các ngành nghề có nhu cầu sử dụng lao động cao; phát triển dự báo thị trường lao động, tăng cường chất lượng tổ chức sàn giao dịch, giới thiệu việc làm; nâng cao chất lượng hệ thống dữ liệu việc tìm người và người tìm việc, kết nối đồng bộ hệ thống thông tin thị trường lao động với toàn hệ thống của tỉnh, của vùng và của ngành.

1.5. Tính năng động

- Đơn vị đầu mối: Văn phòng UBND tỉnh

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh:

+ Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện công tác đối thoại với doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực mà doanh nghiệp, nhà đầu tư quan tâm; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 06/CTr-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và xây dựng Kế hoạch/Chương trình hành động thực hiện và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

+ Vận dụng linh hoạt, sáng tạo chính sách của Trung ương, có những sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

+ Chỉ đạo Hiệp hội Doanh nghiệp nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của đơn vị. Là cầu nối hiệu quả trong tiếp nhận thông tin, phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp để báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan có giải pháp tháo gỡ kịp thời.

+ Kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách pháp lý không phù hợp, gây khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư;

chỉ đạo rà soát thường xuyên, hoàn thiện các quy trình, loại bỏ các thủ tục hành chính chồng chéo, phức tạp, hết hiệu lực thi hành.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố:

+ Tập trung bám sát các chỉ đạo điều hành của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp; các chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế, nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc doanh nghiệp, khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển.

+ Nâng cao chất lượng chỉ đạo, giám sát và vận dụng linh hoạt, có hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, chương trình hành động của tỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương. Tổ chức đối thoại và nâng cao chất lượng tổ chức đối thoại với công dân và doanh nghiệp về TTHC. Nâng cao trách nhiệm trong công tác phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các cấp, các ngành trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

+ Quán triệt đến các đơn vị, bộ phận trực thuộc, cán bộ, công chức, viên chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực thi công vụ góp phần cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Cà Mau theo nhiệm vụ được giao.

1.6. Tiếp cận đất đai

- Đơn vị đầu mối: Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Nội dung thực hiện:

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan:

+ Tham mưu giải quyết các khó khăn, vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận nguồn lực đất đai thực hiện các dự án đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

+ Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các thông tin có liên quan về đất đai trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của đơn vị. Thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch, tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin quy hoạch đến các huyện và thành phố.

+ Tham mưu xây dựng giá đất phù hợp giá thị trường trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực hiện thu hồi đất theo quy hoạch; rà soát, công khai, tạo quỹ đất sạch để mời gọi đầu tư; tăng cường công tác đối thoại với doanh nghiệp về lĩnh vực đất đai. Tham mưu UBND tỉnh kịp thời ban hành mới, sửa đổi bổ sung chính sách khuyến khích về đất đai để thu hút

doanh nghiệp đầu tư; phấn đấu rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấp hơn 20 ngày.

2. Đối với nhóm cần duy trì, phát huy thêm (nhóm các chỉ số thành phần năm 2017 tăng điểm so với năm 2016 và cao hơn điểm trung vị cả nước), gồm 4 chỉ số:

2.1. Chi phí gia nhập thị trường

- Đơn vị đầu mối: Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan:

- Nội dung thực hiện:

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan:

+ Công bố 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị phải được niêm yết, công khai đúng quy định và đăng tải đầy đủ trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của các đơn vị. Tiếp tục thực hiện rút ngắn 20 - 30% thời gian thực hiện các TTHC thường xuyên giải quyết có liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư.

+ Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức có đủ năng lực, trách nhiệm, nhiệt tình, thân thiện thực hiện công tác giải quyết TTHC. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC, đặc biệt là các TTHC có liên quan doanh nghiệp, nhà đầu tư; thực hiện nghiêm túc về việc xin lỗi tổ chức, cá nhân bằng văn bản trong việc chậm trễ trong giải quyết TTHC.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan đơn giản hóa TTHC trong đăng ký và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (phần đầu thực hiện rút ngắn còn 2 ngày làm việc hoặc tối đa là 3 ngày làm việc theo quy định). Tổ chức, hướng dẫn, khuyến khích doanh nghiệp đăng ký kinh doanh theo phương thức mới (trực tuyến hoặc thông qua Bưu điện).

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị có liên quan tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 30/11/2017 của UBND tỉnh về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Cà Mau năm 2018; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ xây dựng website cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển thanh toán điện tử.

2.2. Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước

- Đơn vị đầu mối: Văn phòng UBND tỉnh

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm: Thanh tra tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

Thanh tra tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, đúng quy định và ứng dụng công nghệ

thông tin trong quản lý thanh tra, kiểm tra tránh nội dung trùng lặp tại doanh nghiệp. Công tác kiểm tra doanh nghiệp không quá 1 lần/năm theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Cục Thuế phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, rà soát, cắt giảm thời gian thanh tra, kiểm tra thuế tại doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo hiệu quả các cuộc kiểm tra, thanh tra thuế tránh thất thu thuế.

Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức các khóa bồi dưỡng về nâng cao kỹ năng giao tiếp, đạo đức công vụ cho công chức, viên chức tiếp xúc thường xuyên với doanh nghiệp, nhà đầu tư (đặc biệt là công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan:

+ Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chỉ tiêu, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính theo tinh thần nội dung Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 13/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

+ Tăng cường công tác kiểm soát thủ tục hành chính và hệ thống quản lý chất lượng ISO trong cải cách hành chính; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 nhằm cắt giảm chi phí, thời gian, số lần doanh nghiệp, nhà đầu tư đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các TTHC. Công khai đầy đủ đúng quy định tất cả các phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo hướng giúp doanh nghiệp dễ tiếp cận.

+ Nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của Tổ công tác liên ngành giải quyết các vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.3. Chi phí không chính thức

- Đơn vị đầu mối: Thanh tra tỉnh

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này: Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Tòa án nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

Thanh tra tỉnh phối hợp các đơn vị có liên quan tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng vị trí việc làm gây khó khăn đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với công chức, viên chức trong giải quyết TTHC có liên quan đất đai đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư; xử lý nghiêm đối với công chức, viên chức những nhiều, tự đặt ra các các khoản chi phí không chính thức trong thực thi công vụ.

Tòa án nhân dân tỉnh nâng cao chất lượng trong công tác xét xử, giải quyết các loại án; đảm bảo phán quyết của Tòa án phải đúng pháp luật, đảm bảo công lý, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Đặc biệt tập trung triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm đưa ra giải quyết, xét xử các loại vụ việc đang tạm đình chỉ, quá hạn luật định; nghiên cứu và phát huy hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các hoạt động của Tòa án nhân dân các cấp.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Luật Đấu thầu, Luật Khiếu nại tố cáo, Luật Thanh tra, Luật Phòng, chống tham nhũng. Xây dựng Kế hoạch phòng chống tham nhũng, đảm bảo tính minh bạch trong công tác đấu thầu được tiến hành công khai ở tất cả các khâu. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức những nhiều, tự đặt ra các chi phí không chính thức để tổ chức, doanh nghiệp được trúng thầu.

2.4. Cạnh tranh bình đẳng

- Đơn vị đầu mối: Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cà Mau.

- Nội dung thực hiện:

Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh tăng cường công tác chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố và đơn vị có liên quan nâng cao trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả trong thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh về triển khai Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 26/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Rà soát, cập nhật, công khai, minh bạch các chủ trương, dự án kêu gọi đầu tư, các chính sách ưu đãi đầu tư để tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, nhà đầu tư (không phân biệt loại hình doanh nghiệp) trong hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan tích cực tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, không phân biệt, đối xử trong giải quyết công việc giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp

trong nước trong tiếp cận các cơ hội đầu tư, chế độ chính sách ưu đãi, thủ tục hành chính và thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các đơn vị có liên quan hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, đối xử bình đẳng đối với các loại hình doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin về đất đai.

Cục Thuế tỉnh phối hợp các đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến các loại hình doanh nghiệp đều được thụ hưởng miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật, không phân biệt ưu đãi thuế đối với từng loại hình doanh nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cà Mau phối hợp các đơn vị có liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp tiếp cận với các khoản tín dụng, đặc biệt là các DNNVV trên địa bàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần, các đơn vị được phân công chịu trách nhiệm chính, đánh giá tại Bảng phân công của **Phụ lục 2** phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch chi tiết (theo *Mẫu hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư*). Trong đó, xác định rõ chỉ tiêu được giao, đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cụ thể đối với các chỉ tiêu, phân công rõ đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện, bộ phận đầu mối theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp đánh giá gửi về đơn vị đầu mối chỉ số thành phần phụ trách nhóm chỉ tiêu của đơn vị mình (đồng thời gửi *Sở Kế hoạch và Đầu tư*) để theo dõi **trước ngày 25/6/2018**; báo cáo kết quả tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao tại phụ lục 2 **trước ngày 20/12/2018** và gửi về đơn vị đầu mối chỉ số thành phần tổng hợp, đồng thời gửi *Sở Kế hoạch và Đầu tư*.

2. Các đơn vị làm đầu mối các chỉ số thành phần theo **Phụ lục 1** có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị được phân công chịu trách nhiệm chính về cải thiện các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần của đơn vị làm đầu mối, tổng hợp và báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chỉ số thành phần được giao đầu mối gửi về *Sở Kế hoạch và Đầu tư* **trước ngày 30/12/2018** để tổng hợp, đánh giá chung về kết quả thực hiện công tác cải thiện PCI tỉnh Cà Mau năm 2018.

3. Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, *Sở Kế hoạch và Đầu tư* rà soát, triển khai, hướng dẫn các đơn vị xây dựng Kế hoạch chi tiết (theo *Mẫu hướng dẫn do Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng*); phối hợp với các đơn vị chịu trách nhiệm chính và đơn vị đầu mối tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này và báo cáo phân tích, đánh giá kết quả PCI tỉnh Cà Mau năm 2018 sau khi VCCI công bố kết quả để báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

4. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp *Sở Kế hoạch và Đầu tư* tham mưu đề xuất UBND tỉnh tổ chức họp, báo cáo đánh giá công tác cải thiện PCI của tỉnh năm 2018 sau khi VCCI công bố kết quả; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị đầu mối các chỉ số thành phần tham dự để học tập kinh nghiệm thông qua các Hội nghị phân tích kết quả PCI do VCCI hoặc VCCI chi nhánh tại Cần Thơ tổ chức hàng năm.

5. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản và các hiệp hội nghề nghiệp khác có liên quan, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tích cực hợp tác, nâng cao hiệu quả trong công tác cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh.

6. Các cơ quan báo, đài phối hợp với các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về công tác cải cách hành chính, công tác cải thiện và nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh năm 2018.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, sửa đổi bổ sung, các đơn vị có liên quan tổng hợp, phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VCCI Cần Thơ;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các cơ quan ngành tư pháp;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Cà Mau;
- Các hội, hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các cơ quan báo, đài;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng nghiên cứu TH;
- Phòng KT (T3/04);
- Lưu VT, M.A05/6.



Trần Hồng Quân

Phụ lục 1

Bảng phân công đơn vị đầu mối, đơn vị thực hiện cải thiện PCI tỉnh Cà Mau năm 2018

(Kèm theo Kế hoạch số 62 /KH-UBND ngày 10/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

1. Nhóm Chỉ số pháp lý năm 2017 thấp hơn điểm trung vị cả nước và giảm điểm so với năm 2016, gồm 2 chỉ số:

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá	Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn		
1	TÍNH MINH BẠCH (Đơn vị đầu mối - Sở Tư pháp)	5,86 (53/63)	<		5,81 (56/63)	<			
1	Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi pháp luật của tỉnh đối với với quy định pháp luật của Trung ương (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	7,78%	>	Tích cực	7%	>	Tích cực	Sở Tư pháp	
2	Tính minh bạch của các tài liệu pháp lý (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	3,02	>	Tiêu cực	3,0	<	Tích cực	Văn phòng UBND tỉnh	
3	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	88,89%	>	Tích cực	74%	<	Tiêu cực		
4	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	2,34	<	Tích cực	2,42	<	Tích cực		
5	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh	29	<	Tiêu cực	36	>	Tích cực		
6	% DN truy cập vào website của UBND	73,12%	<	Tiêu cực	61%	<	Tiêu cực		
7	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	77,42%	>	Tiêu cực	79%	>	Tiêu cực		
8	Vai trò Hiệp hội doanh nghiệp trong việc xây dựng và phản biện các chính sách của tỉnh (% quan trọng hoặc vô cùng quan trọng)	37,66%	<	Tiêu cực	36%	<	Tiêu cực	Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản	
9	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	59,34%	>	Tiêu cực	64%	>	Tiêu cực	Cục Thuế tỉnh	
10	Thông tin mời thầu được công khai(%)	-	-	-	57%	>	Tích cực	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP, đơn vị có liên quan	Chỉ tiêu mới
11	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	-	-	-	62%	<	Tiêu cực		Chỉ tiêu mới
12	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị)	-	-	-	2	<	Tích cực		Chỉ tiêu mới

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá	Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến		
II	THIẾT CHẾ PHÁP LÝ (Đơn vị đầu mối - Tòa án nhân dân tỉnh)	5,75 (21/63)	>		5,45 (49/63)				
1	Hệ thống tư pháp cho phép các doanh nghiệp tổ cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	43,16%	>	Tích cực	33%	>	Tích cực	Thanh tra tỉnh	
2	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN(%)	-	-	-	33%	<	Tiêu cực		
3	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp đúng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% đồng ý)	68,18%	>	Tích cực	75%	>	Tích cực	Sở Tư Pháp	
4	Tỉ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh không thuộc nhà nước trên tổng nguyên đơn tại Tòa án kinh tế cấp tỉnh	72,95%	<	Tiêu cực	100%	>	Tích cực	Tòa án nhân dân tỉnh	
5	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp. (TATC)	3,65	>	Tiêu cực	1,16	>	Tiêu cực		
6	Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm (TATC)	70,93%	<	Tiêu cực	66%	<	Tiêu cực		
7	Doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý/ Hoàn toàn đồng ý)	80,61%	<	Tiêu cực	83%	<	Tiêu cực		
8	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	83,33%	=	Tích cực	84%	<	Tiêu cực		
9	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	65,52%	>	Tích cực	64%	<	Tiêu cực		
10	Phán quyết của tòa án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý).	72,41%	<	Tiêu cực	84%	>	Tích cực		
11	Doanh nghiệp sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp (%)	33,33%	<	Tiêu cực	45%	>	Tích cực		
12	Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	68,60%	<	Tiêu cực	81%	>	Tích cực		
13	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	60,47%	<	Tiêu cực	68%	=	Tích cực	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	
14	Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	-	-	-	1%	<	Tích cực	Công an tỉnh	Chỉ tiêu mới
15	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	-	-	-	44%	<	Tiêu cực		Chỉ tiêu mới
16	Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	-	-	-	27%	>	Tiêu cực		Chỉ tiêu mới
17	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%)	-	-	-	63%	<	Tiêu cực		Chỉ tiêu mới

2. Nhóm chỉ số thành phần thấp hơn điểm trung vị cả nước, gồm 04 chỉ số:

TT	 Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	
I	DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP (Đơn vị đầu mối - Sở Công Thương)	5,35 (39/63)	<		6,3 (43/63)	<		
1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay (Bộ Công Thương)	15	>	Tích cực	13	>	Tích cực	Sở Công Thương
2	Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	15,94%	<	Tiêu cực	63%	>	Tích cực	
3	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%)	66,67%	<	Tiêu cực	71%	>	Tích cực	
4	DN đã sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	17,39%	<	Tiêu cực	65%	>	Tích cực	
5	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	45,45%	>	Tích cực	60%	<	Tiêu cực	
6	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	72,73%	<	Tiêu cực	50%	<	Tiêu cực	
7	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%)	66,67%	>	Tích cực	58%	<	Tiêu cực	
8	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	16,67%	<	Tiêu cực	31%	<	Tiêu cực	
9	Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%)	17,14%	<	Tiêu cực	45%	<	Tiêu cực	
10	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	41,67%	<	Tiêu cực	69%	>	Tích cực	
11	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	21,13%	<	Tiêu cực	52%	=	Tích cực	Sở Kế hoạch và Đầu tư
12	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	53,33%	>	Tích cực	42%	<	Tiêu cực	

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá
		Điểm số (Xếp hạng)	Số với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	Số với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
I	DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP (tiếp theo) (Đơn vị đầu mối - Sở Công Thương)	5,35 (39/63)	<		6,3 (43/63)	<		
13	Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	32,43%	<	Tiêu cực	75%	>	Tích cực	Sở Tư pháp
14	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	70,83%	>	Tích cực	63%	<	Tiêu cực	
15	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	37,5%	>	Tích cực	50%	=	Tích cực	
16	DN đã sử dụng các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	27,14%	<	Tiêu cực	59%	>	Tích cực	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	52,63%	>	Tích cực	62%	<	Tiêu cực	
18	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	63,16%	>	Tích cực	62%	<	Tiêu cực	
19	Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	0,94%	<	Tiêu cực	0,87	<	Tiêu cực	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP, đơn vị có liên quan
20	Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	60,87%	<	Tiêu cực	63%	<	Tiêu cực	
21	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	13,33%	<	Tiêu cực	58%	<	Tiêu cực	
22	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	25,68%	<	Tiêu cực	52%	<	Tiêu cực	Sở Lao động - TB và XH
23	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	57,89%	<	Tiêu cực	57%	<	Tiêu cực	
24	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	31,58%	<	Tiêu cực	86%	>	Tích cực	



TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá
		Điểm số (Xếp hạng)	Số với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	Số với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
II	ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG (Đơn vị đầu mối - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)	4,46 (63/63)	<		5,09 (63/63)	<		
1	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	56,67%	>	Tích cực	57%	<	Tiêu cực	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% Tốt hoặc Rất tốt)	37,65%	>	Tích cực	30%	<	Tiêu cực	Sở Lao động - TB và XH
3	Mức độ hài lòng với lao động (% đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN)	90,12%	<	Tiêu cực	86%	<	Tiêu cực	
4	Tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	49,92%	=	Tích cực	47%	<	Tiêu cực	
5	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động.	4,29	<	Tích cực	3,87%	<	Tích cực	
6	DN đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm nói trên của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân (%)	12,5	<	Tiêu cực	46%	<	Tiêu cực	
7	Tỉ lệ người lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo (%) (BLĐTBXH)	1,9%	<	Tiêu cực	2%	<	Tiêu cực	
8	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động %(BLĐTBXH)	3,06%	<	Tiêu cực	3%	<	Tiêu cực	
9	DN đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	11,59%	<	Tiêu cực	52%	<	Tiêu cực	
10	DN có ý định sẽ sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	37,5%	<	Tiêu cực	31%	<	Tiêu cực	
11	% tổng chi phí kinh doanh cho tuyển dụng lao động	3,06	<	Tiêu cực	4,42%	<	Tiêu cực	

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá	Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến		
III	TÌNH NĂNG ĐỘNG (Đơn vị đầu mối – Văn phòng UBND tỉnh)	4,8 (34/63)	<		5,21 (43/63)	<			
1	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	70,24%	<	Tiêu cực	65%	<	Tiêu cực	Văn phòng UBND tỉnh	
2	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	51,25%	<	Tiêu cực	64%	>	Tích cực		
3	Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực).	46,39%	>	Tích cực	35%	<	Tiêu cực		
4	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% lựa chọn)	40%	>	Tiêu cực	37%	>	Tiêu cực		
5	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	57,14%	<	Tích cực	59%	=	Tích cực	UBND các huyện, thành phố	
6	Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	74,36%	<	Tích cực	74%	<	Tích cực	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP, đơn vị có liên quan	
7	Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN(%)	-	-	-	73%	>	Tích cực		Chi tiêu mới
8	DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc(%)	-	-	-	89%	<	Tiêu cực		Chi tiêu mới
9	Ti lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh(%)	-	-	-	79%	>	Tích cực		Chi tiêu mới



	Vị dụng chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá	Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến		
IV	TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI (Đơn vị đầu mối - Sở Tài nguyên và Môi trường)	6,14 (17/63)	>		6,19 (39/63)	<			
1	% DN có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất hoặc DN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.	75,61%	>	Tích cực	62%	>	Tích cực	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% đồng ý).	80%	>	Tích cực	78%	=	Tích cực		
3	% DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục.	33,33%	=	Tích cực	19%	<	Tiêu cực		
4	% DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu.	35,48%	>	Tiêu cực	17%	>	Tiêu cực		
5	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp)	1,74	>	Tích cực	1,47	<	Tiêu cực		
6	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	24,64%	<	Tiêu cực	31%	>	Tích cực		
7	DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	37,66%	>	Tích cực	24%	<	Tiêu cực		
8	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	30	=	Tích cực	15	<	Tích cực		
9	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng(%)	-	-	-	28%	<	Tích cực		Chỉ tiêu mới
10	Giải phóng mặt bằng chậm (%)	-	-	-	23%	>	Tiêu cực		Chỉ tiêu mới
11	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch(%)	-	-	-	17%	>	Tiêu cực		Chỉ tiêu mới

3. Nhóm chỉ số thành phần giảm điểm so với năm 2016, gồm 02 chỉ số:

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá	Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến		
I	CHI PHÍ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG (Đơn vị đầu mối - Sở Kế hoạch và Đầu tư)	8,46 (38/63)	<		7,97 (23/63)	>			
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp (ngày)	7	=	Tích cực	7	>	Tiêu cực	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chỉ tiêu mới
2	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (ngày)	3	<	Tích cực	3	<	Tích cực		
3	Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện (%))	-	-	-	22%	>	Tích cực		
4	Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý)	80,90%	>	Tích cực	94%	>	Tích cực	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan	
5	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý)	42,70%	=	Tích cực	83%	>	Tích cực		
6	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% đồng ý)	49,44%	<	Tiêu cực	71%	<	Tiêu cực		
7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% đồng ý)	29,21%	<	Tiêu cực	76%	>	Tích cực		
8	% DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	14,63%	>	Tiêu cực	10%	<	Tích cực		
9	% DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	0%	<	Tích cực	7%	>	Tiêu cực	Sở Thông tin và Truyền thông	
10	Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tốt (% đồng ý)	19,1%	<	Tiêu cực	60%	=	Tích cực		

TT	 Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá	Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn		
II	CHỈ PHẠM VI THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC (Đơn vị đầu mối: Văn Phòng UBND tỉnh)	7,03 (14/63)	>		7,01 (21/63)	>			
1	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	55,43%	>	Tích cực	52%	=	Tích cực	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan	
2	DN không cần phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	61,7%	<	Tiểu cực	52%	<	Tiểu cực		
3	% DN sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định của Nhà nước	37,93%	>	Tiểu cực	25%	<	Tích cực		
4	Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	92,39%	>	Tích cực	92%	=	Tích cực		
5	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	-	-	-	74%	>	Tích cực		
6	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	-	-	-	17%	>	Tiểu cực	Thanh tra tỉnh	Chỉ tiêu mới
7	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiễu DN(%)	-	-	-	26%	>	Tiểu cực		Chỉ tiêu mới
8	Tỷ lệ DN bị thanh kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm	2	>	Tiểu cực	6%	<	Tích cực		Thay đổi đơn vị tính trong khảo sát
9	Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	7	<	Tích cực	4	<	Tích cực	Cục Thuế tỉnh	
10	Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	74,74%	>	Tích cực	78%	>	Tích cực	Sở Nội vụ	
11	Các cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	72,34%	>	Tích cực	77%	>	Tích cực		

4. Nhóm Chỉ số năm 2017 tăng điểm so với năm 2016 và cao hơn điểm trung vị cả nước, gồm 2 chỉ số:

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá	Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn		
1	CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC (Đơn vị đầu mối - Thanh tra tỉnh)	5,88 (14/63)	>		6,42 (8/63)	>			
1	% DN cho rằng các DN cùng ngành thường trả chi phí không chính thức (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	57,61%	<	Tích cực	54%	<	Tích cực	Thanh tra tỉnh	
2	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	79,78	>	Tích cực	85%	>	Tích cực		
3	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	4,88%	<	Tích cực	7%	<	Tích cực		
4	Những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	55,68%	<	Tích cực	60%	<	Tích cực		
5	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	54,43%	<	Tiêu cực	55%	<	Tiêu cực		
6	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	-	-	-	36%	<	Tích cực		Chỉ tiêu mới
7	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai (%)	-	-	-	31%	<	Tích cực	Sở Tài nguyên và Môi trường	Chỉ tiêu mới
8	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	-	-	-	52%	<	Tích cực	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP, đơn vị có liên quan	Chỉ tiêu mới
9	DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%)	-	-	-	18%	<	Tích cực	Tòa án tỉnh	Chỉ tiêu mới

TT	 Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2016			Năm 2017			Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá
		Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
II	SƠ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	6,06 (6/63)	>		6,17 (8/63)	>		
1	Ưu đãi cơ sở thuế trong miễn/giảm thuế TNDN (% Đồng ý)	16,87%	<	Tích cực	7%	<	Tích cực	Cục Thuế tỉnh
2	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	14,77%	<	Tích cực	19%	<	Tích cực	Văn phòng UBND tỉnh
3	Việc tính ưu ái cho DN Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của bạn" (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	30,59%	<	Tích cực	33%	<	Tích cực	
4	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	23,86%	<	Tích cực	15%	<	Tích cực	
5	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	36,49%	<	Tích cực	34%	<	Tích cực	
6	Ưu đãi DN lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý)	50,65%	<	Tích cực	49%	<	Tích cực	
7	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	71,6%	<	Tích cực	78%	>	Tiểu cực	
8	Tính ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý)	36,25%	<	Tích cực	33%	<	Tích cực	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	18,07%	<	Tích cực	13%	<	Tích cực	
10	Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn (% đồng ý)	31,33%	>	Tiểu cực	23%	<	Tích cực	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cà Mau
11	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	26,14%	<	Tích cực	29%	=	Tích cực	
12	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	21,59%	<	Tích cực	22%	<	Tích cực	Sở Tài nguyên và Môi trường
13	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	21,69%	<	Tích cực	15%	<	Tích cực	
14	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)	10,23%	<	Tích cực	14%	<	Tích cực	

Phụ lục 2



phân công nhiệm vụ cải thiện các chỉ tiêu của các chỉ số thành phần PCI tỉnh Cà Mau năm 2018
theo Kế hoạch số 62 /KH-UBND ngày 20 /6 /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

PHÂN CÔNG CÁC ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM CẢI THIẾN PCI TỈNH CÀ MAU NĂM 2018

TT	Đơn vị chịu trách nhiệm chính	Năm 2017		Chỉ tiêu phân công năm 2018	Ghi chú
		Chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực	Chỉ tiêu chuyển biến tích cực		
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	11	2	13	
2	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan	8	15	23	Có 8 chỉ tiêu mới
3	Văn phòng UBND tỉnh	7	8	15	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	6	9	15	Có 4 chỉ tiêu mới
5	Tòa án nhân dân tỉnh	5	5	10	Có 1 chỉ tiêu mới
6	Sở Công Thương	5	5	10	
7	Thanh tra tỉnh	4	7	11	Có 4 chỉ tiêu mới
8	Công an tỉnh	3	1	4	Có 4 chỉ tiêu mới
9	Sở Khoa học và Công nghệ	2	1	3	
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	6	8	Có 1 chỉ tiêu mới
11	Sở Tư pháp	1	5	6	
12	Cục Thuế tỉnh	1	2	3	
13	Các hội, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	1	0	1	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	0	1	
15	Sở Nội vụ	0	2	2	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	0	1	1	
17	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Cà Mau	0	1	1	
18	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	0	1	1	
Tổng chỉ tiêu		57	71	128	

II. BẢNG PHÂN CÔNG CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM CẢI THIỆN CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI TỈNH CÀ MAU NĂM 2018

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (13 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017		
	Điểm số	Số với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	Số với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Đào tạo lao động						
- Tỷ lệ người lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo (%) (BLĐT BXH)	1,9%	<	Tiêu cực	2%	<	Tiêu cực
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động % (BLĐT BXH)	3,06%	<	Tiêu cực	3%	<	Tiêu cực
- DN đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	11,59%	<	Tiêu cực	52%	<	Tiêu cực
- DN có ý định sẽ sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	37,5%	<	Tiêu cực	31%	<	Tiêu cực
- % tổng chi phí kinh doanh cho tuyển dụng lao động	3,06%	<	Tiêu cực	4,42%	<	Tiêu cực
- Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% Tốt hoặc Rất tốt)	37,65%	>	Tích cực	30%	<	Tiêu cực
- Mức độ hài lòng với lao động (% đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN)	90,12%	<	Tiêu cực	86%	<	Tiêu cực
- % tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động.	4,29	<	Tích cực	3,87%	<	Tích cực
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	49,92%	=	Tích cực	47%	<	Tiêu cực
- DN đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm nói trên của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân (%)	37,50%	<	Tiêu cực	46%	<	Tiêu cực
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp						
- DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	25,68%	<	Tiêu cực	52%	<	Tiêu cực
- DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	57,89%	<	Tiêu cực	57%	<	Tiêu cực
- DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	31,58%	<	Tiêu cực	86%	>	Tích cực



2. Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố (23 chỉ tiêu)

Chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017			Ghi chú
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
Tính năng động							
- Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	74,36%	<	Tích cực	74%	<	Tích cực	
- Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	57,14%	<	Tích cực	59%	=	Tích cực	
- Vương mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN(%)	-	-	-	73%	>	Tích cực	Chỉ tiêu mới
- DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc(%)	-	-	-	89%	<	Tích cực	Chỉ tiêu mới
- Tỷ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh(%)	-	-	-	79%	>	Tích cực	Chỉ tiêu mới
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp							
- Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	0,94%	<	Tiêu cực	0,87	<	Tiêu cực	
- Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	60,87%	<	Tiêu cực	63%	<	Tiêu cực	
- DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	13,33%	<	Tiêu cực	58%	<	Tiêu cực	
Tính minh bạch							
- Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	-	-	-	62%	<	Tiêu cực	Chỉ tiêu mới
- Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị)	-	-	-	2	<	Tích cực	Chỉ tiêu mới
- Thông tin mới thu được công khai (%)	-	-	-	57%	>	Tích cực	Chỉ tiêu mới
Chi phí không chính thức							
- Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	-	-	-	52%	<	Tích cực	Chỉ tiêu mới

Chỉ phí thời gian thực hiện các quy định nhà nước							
- Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	-	-	-	74%	>	Tích cực	Chỉ tiêu mới
- Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	92,39%	>	Tích cực	92%	=	Tích cực	
- Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	55,43%	>	Tích cực	52%	=	Tích cực	
- DN không cần phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	61,7%	<	Tiêu cực	52%	<	Tiêu cực	
- % DN sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước	37,93%	>	Tiêu cực	25%	<	Tích cực	
Chỉ phí giá nhập thị trường							
- Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% đồng ý)	49,44%	<	Tiêu cực	71%	<	Tiêu cực	
- Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% đồng ý)	29,21%	<	Tiêu cực	76%	>	Tích cực	
- Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý)	80,9%	>	Tích cực	94%	>	Tích cực	
- Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý)	42,7%	=	Tích cực	83%	>	Tích cực	
- % DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	14,63%	>	Tiêu cực	10%	<	Tích cực	
- % DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	0%	<	Tích cực	7%	>	Tiêu cực	



3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (15 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017			Ghi chú
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
Tình năng động							
- Càng nhân của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực).	46,39%	>	Tích cực	35%	<	Tiêu cực	
- UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	70,24%	<	Tiêu cực	65%	<	Tiêu cực	
- UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	51,25%	<	Tiêu cực	64%	>	Tích cực	
- Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: "trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo" và "không làm gì" (% lựa chọn)	40%	>	Tiêu cực	37%	>	Tiêu cực	
Cạnh tranh bình đẳng							
- Việc tỉnh ưu ái cho DN Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của bạn" (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	30,59%	<	Tích cực	33%	<	Tích cực	
- "Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% đồng ý)	71,6%	<	Tích cực	78%	>	Tiêu cực	
- DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	23,86%	<	Tích cực	15%	<	Tích cực	
- DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	36,49%	<	Tích cực	34%	<	Tích cực	
- Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN (% đồng ý)	50,65%	<	Tích cực	49%	<	Tích cực	
- DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	14,77%	<	Tích cực	19%	<	Tích cực	
Tính minh bạch							
- Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	88,89%	>	Tích cực	74%	<	Tiêu cực	
- Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	2,34	<	Tích cực	2,42	<	Tích cực	
- Căn cứ "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	77,42%	>	Tiêu cực	79%	>	Tiêu cực	
- % DN truy cập vào website của UBND	73,12%	<	Tiêu cực	61%	<	Tiêu cực	
- Điểm số về độ mới và chất lượng trang web của tỉnh	29	<	Tiêu cực	36	>	Tích cực	

4. Sở Tài nguyên và Môi trường (15 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017			Ghi chú
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
Cạnh tranh bình đẳng							
- DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	21,59%	<	Tích cực	22%	<	Tích cực	
- DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	21,69%	<	Tích cực	15%	<	Tích cực	
- DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)	10,23%	<	Tích cực	14%	<	Tích cực	
Chi phí gia nhập thị trường							
- Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày)	30	=	Tích cực	15	<	Tích cực	
Tiếp cận đất đai							
- % DN có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất hoặc DN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.	75,61%	>	Tích cực	62%	>	Tích cực	
- Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% đồng ý).	80%	>	Tích cực	78%	=	Tích cực	
- % DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục.	33,33%	=	Tích cực	19%	<	Tiêu cực	
- % DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu.	35,48%	>	Tiêu cực	17%	>	Tiêu cực	
- DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp)	1,74	>	Tích cực	1,47	<	Tiêu cực	
- Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	24,64%	<	Tiêu cực	31%	>	Tích cực	
- DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	37,66%	>	Tích cực	24%	<	Tiêu cực	
- Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng(%)	-	-	-	28%	<	Tích cực	Chỉ tiêu mới
- Giải phóng mặt bằng chậm (%)	-	-	-	23%	>	Tiêu cực	Chỉ tiêu mới
- Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch(%)	-	-	-	17%	>	Tiêu cực	Chỉ tiêu mới
Chi phí không chính thức							
- Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai(%)	-	-	-	31%	<	Tích cực	Chỉ tiêu mới

5. Tòa án nhân dân tỉnh (10 chỉ tiêu)

 Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017			Ghi chú
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
Thiệt hại pháp lý							
- Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm (TATC)	70,93%	<	Tiêu cực	66%	<	Tiêu cực	
- Doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý/ Hoàn toàn đồng ý)	80,61%	<	Tiêu cực	83%	<	Tiêu cực	
- Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	83,33%	=	Tích cực	84%	<	Tiêu cực	
- Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	65,52%	>	Tích cực	64%	<	Tiêu cực	
- Phán quyết của toà án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý).	72,41%	<	Tiêu cực	84%	>	Tích cực	
- Doanh nghiệp sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp (%)	33,33%	<	Tiêu cực	45%	>	Tích cực	
- Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	68,60%	<	Tiêu cực	81%	>	Tích cực	
- Tỷ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh không thuộc nhà nước trên tổng nguyên đơn tại Tòa án kinh tế cấp tỉnh	72,95%	<	Tiêu cực	100%	>	Tích cực	
- Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp. (TATC)	3,65	>	Tiêu cực	1,16	>	Tiêu cực	
Chi phí không chính thức							
- DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%)	-	-	-	18%	<	Tích cực	Chỉ tiêu mới

6. Sở Công Thương (10 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017		
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp						
- Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%)	17,14%	<	Tiêu cực	45%	<	Tiêu cực
- Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	41,67%	<	Tiêu cực	69%	>	Tích cực
- Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay (Bộ Công thương)	15	>	Tích cực	13	>	Tích cực
- Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	15,94%	<	Tiêu cực	63%	>	Tích cực
- Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%)	66,67%	<	Tiêu cực	71%	>	Tích cực
- DN đã sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	17,39%	<	Tiêu cực	65%	>	Tích cực
- Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	45,45%	>	Tích cực	60%	<	Tiêu cực
- Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	72,73%	<	Tiêu cực	50%	<	Tiêu cực
- Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%)	66,67%	>	Tích cực	58%	<	Tiêu cực
- Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	16,67%	<	Tiêu cực	31%	<	Tiêu cực



Kiểm tra tình (11 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao

	Năm 2016			Năm 2017			Ghi chú
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
Chi phí không chính thức							
- % DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	4,88%	<	Tích cực	7%	<	Tích cực	
- Những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	55,68%	<	Tích cực	60%	<	Tích cực	
- Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	54,43%	<	Tiêu cực	55%	<	Tiêu cực	
- % DN cho rằng các DN cùng ngành thường trả chi phí không chính thức (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	57,61%	<	Tích cực	54%	<	Tích cực	
- Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	79,78%	>	Tích cực	85%	>	Tích cực	
- Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	-	-	-	36%	<	Tích cực	Chỉ tiêu mới
Thiết chế pháp lý							
- Hệ thống tư pháp cho phép các doanh nghiệp tổ cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	43,16%	>	Tích cực	33%	>	Tích cực	
- Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN (%)	-	-	-	33%	<	Tiêu cực	Chỉ tiêu mới
Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước							
- Tỷ lệ DN bị thành kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm	2	>	Tiêu cực	6%	<	Tích cực	Thay đổi đơn vị tính trong khảo sát
- Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	-	-	-	17%	>	Tiêu cực	Chỉ tiêu mới
- Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN (%)	-	-	-	26%	>	Tiêu cực	Chỉ tiêu mới

8. Công an tỉnh (4 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017			Ghi chú
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
Thiết chế pháp lý							
- Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	-	-	-	1%	<	Tích cực	Chỉ tiêu mới
- Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	-	-	-	44%	<	Tiêu cực	Chỉ tiêu mới
- Tỷ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	-	-	-	27%	>	Tiêu cực	Chỉ tiêu mới
- CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản (%)	-	-	-	63%	<	Tiêu cực	Chỉ tiêu mới

9. Sở Khoa học và Công nghệ (3 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017		
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp						
- DN đã sử dụng các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	27,14	<	Tiêu cực	59%	>	Tích cực
- Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	52,63%	>	Tích cực	62%	<	Tiêu cực
- Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	63,16%	>	Tích cực	62%	<	Tiêu cực



10.8 Kế hoạch và Đầu tư (8 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017			Ghi chú
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	
Cạnh tranh bình đẳng							
- Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn (% đồng ý)	31,33%	>	Tích cực	23%	<	Tích cực	
- Tinh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý)	36,25%	<	Tích cực	33%	<	Tích cực	
- DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	18,07%	<	Tích cực	13%	<	Tích cực	
Chi phí gia nhập thị trường							
- Thời gian đăng ký doanh nghiệp (ngày)	7	=	Tích cực	7	>	Tiểu cực	
- Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (ngày)	3	<	Tích cực	3	<	Tích cực	
- Tỷ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện (%))	-	-	-	22%	>	Tích cực	Chỉ tiêu mới
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp							
- DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	21,13%	<	Tiểu cực	52%	=	Tích cực	
- DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	53,33%	>	Tích cực	42%	<	Tiểu cực	

11. Sở Tư Pháp (6 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017		
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp						
- Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	32,43%	<	Tiêu cực	75%	>	Tích cực
- Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	70,83%	>	Tích cực	63%	<	Tiêu cực
- Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	37,5%	>	Tích cực	50%	=	Tích cực
Thiết chế pháp lý						
- Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% đồng ý)	68,18%	>	Tích cực	75%	>	Tích cực
Tính minh bạch						
- Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi pháp luật của tỉnh đối với quy định pháp luật của Trung ương (%luôn luôn hoặc thường xuyên)	7,78%	>	Tích cực	7%	>	Tích cực
- Tính minh bạch của các tài liệu pháp lý (1: tiếp cận dễ dàng; 5: không thể tiếp cận)	3,02	>	Tiêu cực	3,0	<	Tích cực

12. Cục Thuế tỉnh (3 chỉ tiêu)

 Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017		
	Điểm số	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Tính minh bạch - Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (%hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	59,34%	>	Tiêu cực	64%	>	Tiêu cực
Cạnh tranh bình đẳng - Miễn giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	16,87%	<	Tích cực	7%	<	Tích cực
Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước - Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	7	<	Tích cực	4	<	Tích cực

13. Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản (1 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017		
	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Tính minh bạch Vai trò Hiệp hội doanh nghiệp trong việc xây dựng và phản biện các chính sách của tỉnh (% quan trọng hoặc vô cùng quan trọng)	37,66%	<	Tiêu cực	36%	<	Tiêu cực

14. Sở Giáo dục và đào tạo (1 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017		
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Đào tạo lao động						
- Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	56,67%	>	Tích cực	57%	<	Tiêu cực

15. Sở Nội vụ (2 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017		
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước						
- Các cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	72,34%	>	Tích cực	77%	>	Tích cực
- Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	74,74%	>	Tích cực	78%	>	Tích cực



Sở Thông tin và Truyền thông (1 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017		
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Chi phí gia nhập thị trường						
- Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tốt (% đồng ý)	19,1%	<	Tiêu cực	60%	=	Tích cực

17. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cà Mau (1 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2017		
	Điểm số	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Cạnh tranh bình đẳng						
- DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	26,14	<	Tích cực	29%	=	Tích cực

18. Cục Thi hành án dân sự tỉnh (1 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao	Năm 2016			Năm 2016		
	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Thiết chế pháp lý						
Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	60,47%	<	Tiêu cực	68%	=	Tích cực